

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP FDI TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH BẮC NINH

FACTORS AFFECTING PRODUCTION AND BUSINESS EFFICIENCY OF FDI ENTERPRISES IN INDUSTRIAL PARKS IN BAC NINH PROVINCE

Nguyễn Phương Thảo<sup>1\*</sup>, Trần Thị Minh<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Bài báo này được viết nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại Khu công nghiệp Bắc Ninh. Nhóm tác giả sử dụng Hàm Cobb - Dolags để tiến hành hồi quy theo các biến. Kết quả sau khi tiến hành hồi quy, biến chi phí nguyên liệu và chi phí khấu hao có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với lợi nhuận. Biến chi phí lao động, trình độ của quản lý trong doanh nghiệp, vốn sử dụng cho việc đầu tư sản xuất kinh doanh và biến giả về chính sách hỗ trợ đều có mối quan hệ tỷ lệ thuận với lợi nhuận của doanh nghiệp. Trên cơ sở xác định mức độ ảnh hưởng, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại các khu công nghiệp Bắc Ninh trong tương lai.

**Từ khóa:** Nhân tố, hiệu quả sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp FDI, khu công nghiệp, Bắc Ninh.

## ABSTRACT

This paper is written to evaluate the influence of factors on the business and production efficiency of FDI enterprises in Bac Ninh Industrial Zone. The authors used the Cobb - Dolags function to conduct regressions according to the variables. The results after regression, the variable raw materials and depreciation costs are inversely correlated with profit. The variable the labor costs, the level of manager, the capital used for investment in production and business and the dummy variable of supporting policies are positively correlated with the profit of the enterprises. Based on the determination of the influence level, the authors propose solutions to enhance the performance of FDI enterprises in Bac Ninh Industrial Zones in the future.

**Keywords:** Factors, production and business efficiency, FDI enterprises, industrial parks, Bac Ninh.

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

<sup>2</sup>Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

\*Email: thaonp.tueba@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/2/2020

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 10/4/2020

Ngày chấp nhận đăng: 24/4/2020

## 1. GIỚI THIỆU

Bắc Ninh là một tỉnh cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội, phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Tây và Tây Nam giáp thủ

đô Hà Nội, phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương. Bắc Ninh là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có các hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với các tỉnh trong vùng như: Quốc lộ 1A nối Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn; Đường cao tốc 18 nối sân bay Quốc tế Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long; Quốc lộ 38 nối Bắc Ninh - Hải Dương - Hải Phòng; Mạng đường thủy sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình rất thuận lợi nối Bắc Ninh với hệ thống cảng sông và cảng biển của vùng tạo cho Bắc Ninh là địa bàn mở gần với phát triển của thủ đô Hà Nội, theo định hướng xây dựng các thành phố vệ tinh và sự phân bố công nghiệp của Hà Nội. Đây là những yếu tố rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu của Bắc Ninh với bên ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh Bắc Ninh [20].

Thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, với lợi thế về vị trí địa lý cùng khả năng liên kết vùng, khu vực thuận lợi, nguồn nhân lực chất lượng và sự năng động của lãnh đạo tỉnh, những năm qua, Bắc Ninh đã thu hút có hiệu quả dòng vốn FDI. Tính đến hết năm 2018, Bắc Ninh đã thu hút được 1.144 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 15,8 tỷ USD trong đó có nhiều tập đoàn lớn trên thế giới: Microsoft, Samsung, Pepsico, Canon, Sumitomo, ABB. Số dự án FDI thu hút đầu tư vào các KCN Bắc Ninh chiếm 70% của cả tỉnh.

Với kết quả này, Bắc Ninh là tỉnh nằm trong Top đầu các tỉnh, thành phố của Việt Nam về thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp FDI tại các Khu công nghiệp Bắc Ninh đã có đóng góp rất lớn vào tăng trưởng sản xuất công nghiệp, thu ngân sách của tỉnh, nâng cao kim ngạch xuất khẩu và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, tạo việc làm cho 284.470 lao động, trong đó lao động địa phương là 74.918 người, thu nhập bình quân của lao động đạt mức 6 triệu đồng/người/tháng. Đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh. Tuy nhiên, làm thế nào để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh trong thời gian tới có ý nghĩa quan

trọng để từ đó có thêm cơ sở về chính sách, định hướng thu hút đầu tư FDI tại các KCN của tỉnh đảm bảo hiệu quả khi Bắc Ninh với diện tích nhỏ nhất cả nước, quỹ đất cho phát triển sản xuất không nhiều nhưng lựa chọn phát triển các khu công nghiệp là khâu đột phá cho phát triển kinh tế của tỉnh, giúp các doanh nghiệp FDI hoạt động hiệu quả, ổn định, phát triển.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

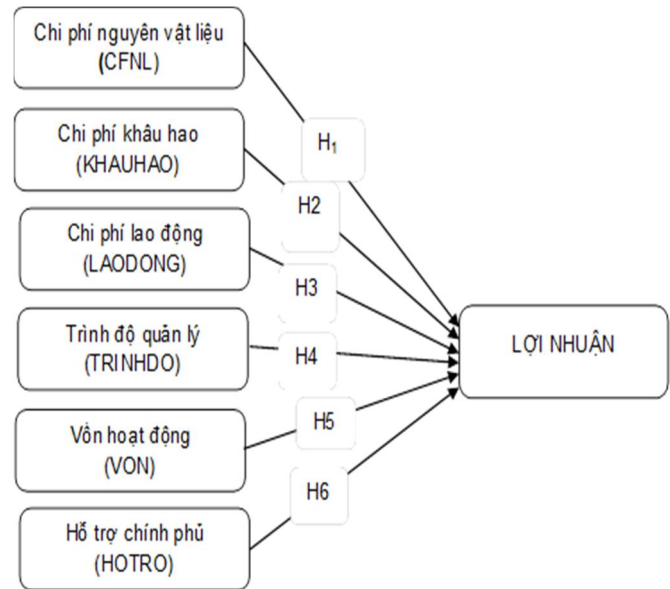
Trong những năm gần đây có nhiều nghiên cứu liên quan đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nghiên cứu của Panco và Korn (1999), Hansen et al. (2002) chỉ ra rằng tuổi của doanh nghiệp hay số năm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thêm vào đó, nghiên cứu của Hansen et al. (2002), Kokko và Sjolholm (2004) đã chỉ ra rằng một trong số những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, nghiên cứu của Hansen et al. (2002), Khôi và ctv. (2008) cho thấy rằng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu gần đây của Lộc và Trọng (2010) chỉ ra rằng loại hình doanh nghiệp, kinh nghiệm và trình độ của chủ doanh nghiệp cũng tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV. Nghiên cứu của Nam và Nghi (2011) cho thấy một số nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, mối quan hệ xã hội, trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp và tốc độ tăng trưởng doanh thu là những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh cho các doanh nghiệp FDI, đặc biệt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Kế thừa các nghiên cứu trên, gắn với thực tế về hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, các yếu tố được đưa ra xem xét trong nghiên cứu này gồm: Chi phí nguyên liệu cho sản xuất của các doanh nghiệp FDI, Chi phí khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp, Chi phí lao động, Trình độ của người quản lý, Thời gian hoạt động của doanh nghiệp FDI, Quy mô vốn của doanh nghiệp và Chính sách của chính phủ. Bên cạnh đó, là các chính sách thu hút đầu tư của các tỉnh, nơi các doanh nghiệp FDI đầu tư cần tạo mọi điều kiện thông thoáng để thu hút đầu tư, từ đó tận dụng nguồn vốn, công nghệ của các doanh nghiệp này và tạo việc làm cho lao động địa phương và tăng thu ngân sách cho chính địa phương đó.

## 3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước, kết hợp với phương pháp phỏng vấn chuyên gia, mô hình nghiên cứu được đề xuất phù hợp với điều kiện các doanh nghiệp FDI tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:



### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

#### Phương pháp thu thập thông tin

Nhóm tác giả thu thập số liệu sơ cấp bằng cách dùng mẫu phiếu chuẩn bị sẵn để khảo sát các doanh nghiệp FDI trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các cán bộ quản lý tại Ban quản lý các KCN Bắc Ninh.

Phương pháp thu thập cụ thể như sau:

- Đối tượng khảo sát là các doanh nghiệp FDI:

+ Xác định số lượng mẫu: Theo Báo cáo của Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh tính đến hết năm 2018, tại các KCN tỉnh có 599 doanh nghiệp FDI tại 10 KCN đã đi vào hoạt động [4].

Để hạn chế tối đa những sai sót trong quá trình chọn mẫu, mẫu được lựa chọn dựa trên công thức xác định cỡ mẫu của Slovin như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2}$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu

N: Tổng thể mẫu

e<sup>2</sup>: Sai số

Trong nghiên cứu tác giả sử dụng sai số cho phép 5%.

Ta có N= 599, thay vào công thức ta có n = 240 doanh nghiệp

+ Nội dung khảo sát: ngành nghề kinh doanh; số năm hoạt động của doanh nghiệp; tổng nguồn vốn đăng ký kinh doanh; tổng giá trị tài sản; tổng số lao động; tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh; tổng chi phí;... đóng góp ngân sách địa phương.

- Đối tượng khảo sát là cán bộ quản lý tại Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh:

Theo số liệu Báo cáo của Ban quản lý các KCN Bắc Ninh, tính đến hết năm 2018 tại Ban quản lý tỉnh có 98 cán bộ nhân viên, trong đó 35 cán bộ là nhà quản lý [4]. Do vậy, nhóm tác giả tiến hành khảo sát toàn bộ cán bộ quản lý tại Ban quản lý các KCN Bắc Ninh.

- Nội dung điều tra: Tình hình thu hút vốn đầu tư FDI của tỉnh Bắc Ninh; những khó khăn và thuận lợi của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn trong thời gian qua;...

Thông qua kết quả khảo sát, tác giả đi phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, hiệu quả kinh tế - xã hội mà các doanh nghiệp này đem lại cho tỉnh trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp với thực tế cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

**Phương pháp phân tích dữ liệu**

*\* Phương pháp thống kê mô tả*

Phương pháp này được sử dụng để mô tả thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, thông qua các bảng biểu và đồ thị thống kê.

*\* Phương pháp phân tích tài chính*

Phương pháp này được sử dụng để tính toán hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thông qua các chỉ tiêu tài chính (vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tài sản, tỷ lệ doanh thu và chi phí,...). Phương pháp phân tích tài chính còn được sử dụng trong việc tổng hợp, phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI trong các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

*\* Phương pháp hồi quy*

Để phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, nhóm tác giả sử dụng hàm sản xuất Cobb - Douglas. Cụ thể:

**Mô hình hàm sản xuất Cobb - Douglas (CD).** Mô hình được lựa chọn nhằm thể hiện mối quan hệ giữa kết quả sản xuất Y (output) và các yếu tố đầu vào  $X_i$  (inputs).

Hàm sản xuất Cobb - Douglas có dạng:

$$Y = f(X_1, X_2, \dots, X_n, D_1, D_2, \dots, D_m, u)$$

Trong đó: Y là kết quả sản xuất (output)

$X_i$  là các yếu tố đầu vào (inputs)

Hàm CD được viết lại dưới dạng:

$$Y = AX_1^{b_1} X_2^{b_2} \dots X_i^{b_i} \dots X_n^{b_n} e^{\beta_1 D_1 + \beta_2 D_2 + \dots + \beta_j D_j + \dots + \beta_m D_m + u} \quad (1)$$

Trong đó:

Y: Biến phụ thuộc

$X_1, X_2, \dots, X_i, X_n$ : Các biến giải thích có tác động ảnh hưởng tới biến phụ thuộc Y.

$D_1, D_2, D_j, D_m$ : Các biến định tính (biến giả), nhận 1 trong 2 giá trị: 0 hoặc 1.

$b_i$ : Các tham số cần ước lượng của bài toán và hệ số ảnh hưởng của từng nhân tố định lượng tới biến phụ thuộc Y

U: Sai số ngẫu nhiên, nói lên ảnh hưởng của các yếu tố khác ngoài các  $X_i$  và  $D_j$  tới Y.

Logarit 2 vế của phương trình (1), ta được:

$$\ln Y = \ln A + b_1 \ln X_1 + \dots + b_n \ln X_n + D_1 + D_2 \dots + D_m + U(2)$$

Mô hình hàm CD sử dụng để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trong các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Bảng 1. Mô tả tên biến sử dụng trong mô hình hàm sản xuất CD

Tên biến	Nội dung biến	ĐVT
LOINHUAN	Lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI tại KCN Bắc Ninh trong năm	Triệu đồng
CPNL	Chi phí nguyên liệu, bao gồm cả chi phí nguyên liệu chính và chi phí nguyên liệu phụ cho sản xuất kinh doanh của DN	Triệu đồng
KHAUHAO	Tổng chi phí khấu hao máy móc thiết bị của DN phục vụ cho sản xuất kinh doanh của DN	Triệu đồng
LAODONG	Chi phí phải trả cho người lao động trong năm	Triệu đồng
VON	Tổng nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp	Triệu đồng
TGHD	Số năm hoạt động sản xuất kinh doanh của DN	Năm
TRINHDO	Trình độ của chủ DN, tính theo số năm đi học của chủ DN	Năm
HOTRO (Biến giả)	Chính sách hỗ trợ của nhà nước: $D_1 = 0$ DN FDI hết thời hạn được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước về: tiền thuê đất, tiền thuế,... $D_1 = 1$ DN đang trong thời gian được miễn giảm thuế của nhà nước.	+

U: Sai số ngẫu nhiên

Hàm sản xuất CD được ước lượng trên phần mềm Eview. Các thông số ước lượng trong mô hình được giải thích như sau:

Adjusted R-Square: Hệ số xác định điều chỉnh được sử dụng để phản ánh mức độ phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính đa biến, cho biết bao nhiêu % sự biến động của Y được giải thích bởi các biến được xác định trong mô hình. Sử dụng Adjusted R-Square để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình vì nó không phụ thuộc vào độ lệch phóng đại của  $R^2$ .

Kiểm định F sử dụng trong bảng phân tích phương sai để kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính tổng thể. Trị giá thống kê F được tính từ R-Square của mô hình đầy đủ, giá trị Sig. rất nhỏ cho thấy ta sẽ an toàn khi bác bỏ giả thuyết  $H_0$  cho rằng tất cả các hệ số hồi qui bằng 0 (ngoại trừ hằng số), mô hình hồi qui tuyến tính bội của ta phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

$\beta_k$ : Hệ số hồi qui riêng phần, đo lường sự % thay đổi của Y khi  $X_k$  thay đổi 1%, giữ các biến độc lập không đổi.

Hay có thể giải thích theo hiệu suất đầu tư biên (MPP- Marginal Physical Product) của một đơn vị yếu tố i.

- Với các biến định lượng (quantitative variable)

$$MPP_{X_i} = \frac{\delta Y}{\delta X_i} = b_i \frac{\bar{Y}}{\bar{X}_i} \quad (i=1,2,\dots,n)$$

Trong đó:  $b_i$  là hệ số co giãn của Y theo  $X_i$ , chính là tham số  $b_i$  ứng với  $\ln X_i$  trong hàm Cobb-Douglas; Y là sản lượng;  $\bar{X}$  là mức đầu tư bình quân của yếu tố sản xuất  $X_i$ ; Ý nghĩa: Đầu tư thêm 1 đơn vị của yếu tố sản xuất thứ i sẽ mang lại thêm bao nhiêu đơn vị sản phẩm, với giả thiết là đầu tư các yếu tố khác không đổi.

+ Với các biến định tính: Khi biến giả  $D_j$  nhận giá trị 1 thì sản lượng tăng thêm một lượng là:  $\Delta_{Y D_j} = \exp(C_j)$

Hệ số beta là hệ số của biến độc lập khi tất cả dữ liệu trên các biến được biểu diễn bằng đơn vị đo lường độ lệch chuẩn. Thông qua hệ số beta cho ta biết mức độ ảnh hưởng của từng biến X đến Y.

*Để kiểm tra khuyết tật mô hình:*

- Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến của các biến độc lập thông qua độ phóng đại của phương sai VIF nhỏ hơn 10 thì các biến độc lập không có tương quan với nhau.

## 4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 4.1. Đặc điểm các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Hiện nay, Bắc Ninh hiện có tổng số 16 KCN tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo Văn bản số 1511/TTg-KTN ngày 20/8/2014 và Văn bản số 2007/TTg-KTN ngày 06/11/2015, với tổng diện tích 6.397,68 ha.

Tất cả các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đều có vị trí địa lý thuận lợi, có các tuyến trục giao thông lớn, quan trọng của đất nước chạy qua. Về mặt phân bố, các KCN đã tham gia vào việc thực hiện phân vùng kinh tế giữa phía Bắc sông Đuống (phát triển công nghiệp và dịch vụ) và phía Nam sông Đuống (phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hoá cao sản). Để khắc phục sự phát triển kinh tế không đồng đều giữa các vùng, tỉnh đã quy hoạch một số KCN phía Nam tỉnh (04 KCN) phục vụ chủ yếu làm đòn bẩy kích thích và hỗ trợ nông nghiệp nông thôn phát triển. Việc quy hoạch và triển khai đầu tư xây dựng các KCN theo đúng trình tự, tạo mặt bằng có hạ tầng tốt, đón bắt được cơ hội, đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư, tạo nguồn vốn lớn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn với tỷ lệ lấp đầy bình quân chung 04 KCN đi vào hoạt động 73,5%, vốn đầu tư cơ sở hạ tầng KCN đạt trên 50%.

Các dự án đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực điện, điện tử, viễn thông công nghệ cao của các tập đoàn đa quốc gia như: Canon (Nhật Bản), Sam Sung (Hàn Quốc), Foxconn (Đài Loan), ABB (Thụy Điển)... Đây là cơ sở để Bắc Ninh xác lập ngành công nghiệp mũi nhọn trong thời gian tới mà trọng tâm là ngành công nghiệp điện tử, cơ khí chính xác, vật liệu mới, chế biến công nghệ cao.

### 4.2. Kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh

Các doanh nghiệp FDI tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh chủ yếu là hoạt động tại một số lĩnh vực như: điện tử viễn thông, cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ

trợ... Đây là các doanh nghiệp đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn, trình độ tay nghề cao, điều này đã góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển của tỉnh Bắc Ninh. Một số lĩnh vực hoạt động chủ yếu của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh như bảng 2.

Bảng 2. Một số lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp FDI tại các KCN

Đơn vị tính: số doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Điện tử, viễn thông	185	190	203
Cơ khí chế tạo	120	124	127
Công nghiệp hỗ trợ	130	145	148
Dịch vụ sơn, mạ, gia công	64	74	80
Khác	25	37	41
<b>Tổng</b>	<b>524</b>	<b>570</b>	<b>599</b>

Nguồn: Ban quản lý các KCN Bắc Ninh [19]

Phân tích bảng 2 ta thấy, cơ cấu ngành nghề của các doanh nghiệp FDI tại khu công nghiệp đã có sự thay đổi mạnh, hình thành ngành công nghiệp mũi nhọn điện tử - viễn thông tại Bắc Ninh. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện tử - viễn thông như: Công ty Canon, Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam, Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam, Công ty TNHH Funing Precision Component (Tập đoàn Hồng Hải), Intop, Mobase, New Circuit Việt Nam, Công ty TNHH Hanoi Doosung Tech, Công ty TNHH Jenway Technology Việt Nam... Các công ty này có quy mô lớn với nhiều các mặt hàng được sản xuất và lắp ráp: Điện thoại, máy in, dây cáp điện, đèn, công tắc, màn hình điện thoại... Đây là các mặt hàng có giá trị sản xuất cao, các mặt hàng này chủ yếu phục vụ xuất khẩu nên các công ty đã đóng góp một lượng không nhỏ vào thuế xuất khẩu.

Tóm lại, các doanh nghiệp FDI tại Bắc Ninh chủ yếu là vệ tinh của Samsung, Canon, Foxconn. Do đó, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh phụ thuộc rất lớn vào các Công ty lớn này. Khi các doanh nghiệp này thay đổi kế hoạch hoặc thay đổi về cơ cấu tổ chức, quản lý điều tác động và có ảnh hưởng đến các DN FDI. Do đó, UBND tỉnh cần tiếp tục đa dạng hóa lĩnh vực trong công tác thu hút, xúc tiến đầu tư, tránh phụ thuộc quá nhiều vào các tập đoàn lớn này, giảm bớt rủi ro. Bên cạnh việc thu hút vốn đầu tư, UBND tỉnh Bắc Ninh cần có chính sách khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh phát triển.

### **Doanh thu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh**

Các KCN Bắc Ninh thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài. Số lượng và chất lượng của dự án, nhất là dự án FDI tăng mạnh, tỷ suất đầu tư đạt khoảng 13,07 triệu USD/dự án và khoảng 9,03 triệu USD/ha. Doanh thu của các doanh nghiệp FDI tại các khu công nghiệp Bắc Ninh như bảng 3.

Phân tích bảng 3 ta thấy, số lượng doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh tăng qua các năm, với tốc độ tăng bình quân 106,92%; doanh thu tăng qua các năm. Năm

2016 tổng doanh thu của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh đạt 576.388 tỷ đồng, năm 2017 doanh thu đạt 602.476 tỷ đồng, tốc độ tăng 104,53%; năm 2018 doanh thu đạt 679.084 tỷ đồng, tăng 112,72% so với năm 2017; tốc độ tăng bình quân trong 3 năm đạt 108,54%. Đây là điều kiện quan trọng để các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh đóng góp cho ngân sách địa phương. Bên cạnh đó, đây cũng là tiền đề quan trọng để các doanh nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh phát triển.

Bảng 3. Doanh thu của doanh nghiệp FDI

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	So sánh (%)		
					2017/2016	2018/2017	BQ
Số lượng DN FDI	Số DN	524	570	599	108,78	105,09	106,92
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	576.388	602.476	679.084	104,53	112,72	108,54

Nguồn: Ban quản lý các KCN Bắc Ninh [2,3,4]

**Lợi nhuận sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh**

Mức đóng góp vào ngân sách của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng thực sự của các doanh nghiệp này. Cụ thể, lợi nhuận của các doanh nghiệp này chưa cao, rất nhiều doanh nghiệp hiện đang báo lỗ.

Bảng 4. Lợi nhuận của doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<b>Doanh nghiệp có lợi nhuận</b>			
Số lợi nhuận	12.585	15.385	23.596
Số doanh nghiệp	365	373	424
<b>Doanh nghiệp thua lỗ</b>			
Số thua lỗ	1.485	1.274	1.573
Số doanh nghiệp	159	197	175

Nguồn: Ban quản lý các KCN Bắc Ninh [2,3,4]

Phân tích bảng 4 ta thấy, lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh tăng qua các năm với số lượng doanh nghiệp báo lãi cũng tăng qua các năm. Năm 2016 có 365 doanh nghiệp báo lãi với tổng số lãi 12.585 tỷ; năm 2017 có 373 doanh nghiệp báo lãi với 15.385 tỷ; năm 2018 có 424 doanh nghiệp báo lãi với 23.596 tỷ. Số doanh nghiệp báo lỗ cũng tăng, cụ thể năm 2016 có 159 doanh nghiệp báo lỗ với tổng số lỗ là 1.485 tỷ; năm 2017 có 197 doanh nghiệp báo lỗ với số lỗ là 1.274 tỷ; năm 2018 có 175 doanh nghiệp báo lỗ, với số lỗ là 1.573 tỷ đồng.

Thực tế tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp đang trong giai đoạn mở rộng hoạt động, đòi hỏi đầu tư nhiều vốn và lao động. Do vậy các doanh nghiệp này có thể tạm thời bỏ qua mục tiêu lợi nhuận trước mắt và kỳ vọng vào tăng

trưởng trong tương lai. Điều này được thể hiện qua việc doanh nghiệp FDI vẫn tin tưởng vào triển vọng kinh doanh tại Việt Nam. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp FDI tại các KCN của tỉnh Bắc Ninh tăng vốn đầu tư năm 2018 là 13,5%, tăng nhẹ so với 11,8% năm 2017. Thêm nữa, tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng kinh doanh tại Bắc Ninh tăng từ 50% lên 60%.

Hiện tượng doanh nghiệp FDI báo lỗ hoặc có lãi nhưng đóng góp vào ngân sách ít là việc không phải hiếm. Các doanh nghiệp này phần lớn là doanh nghiệp điện tử, nguyên nhiên vật liệu chủ yếu là nhập khẩu, sản phẩm cũng chủ yếu phục vụ xuất khẩu nên hiện tượng chuyển giá diễn ra rất phức tạp. Trong giai đoạn đầu, các doanh nghiệp được hưởng nhiều ưu đãi như thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, chính sách hỗ trợ... nên nhiều doanh nghiệp báo lãi, nhưng trong nhiều năm sau các doanh nghiệp thường xuyên báo lỗ để giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định lãi thực tế của doanh nghiệp FDI là tương đối khó khăn, đây là một trong những thách thức không nhỏ đối với các nhà quản lý.

**Hiệu quả sử dụng nguồn vốn**

Đối với doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh, khi đầu tư đòi hỏi một lượng vốn lớn để xây dựng nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, thuê nhân công,... để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo báo cáo của Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh về tình hình vốn của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh như bảng 5.

Bảng 5. Nguồn vốn của doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	So sánh (%)		
				2017/2016	2018/2016	BQ (2016-2018)
Vốn chủ sở hữu	222.765	244.011	285.477	109,54	116,99	113,20
Nợ phải trả	133.525	153.563	149.375	115,01	97,27	105,77
Tổng	356.290	397.574	434.852	111,59	109,38	110,48

Nguồn: Ban quản lý các KCN Bắc Ninh [2,3,4]

Phân tích bảng 5 ta thấy, tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh tăng qua các năm. Năm 2016 tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp này là 356.290 tỷ đồng, năm 2018 tăng lên 434.852 tỷ đồng, với tốc độ tăng bình quân trong 3 năm đạt 110,48%. Trong đó chủ yếu là vốn chủ sở hữu chiếm khoảng 60 - 70%, còn lại là nợ phải trả (phải trả các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và vay dài hạn, các khoản phải trả khách hàng). Như vậy có thể thấy, các doanh nghiệp FDI có nguồn vốn lớn. Đối với nguồn vốn chủ sở hữu, phần lớn là nguồn vốn góp của công ty mẹ và dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để tái đầu tư cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh, nghiên cứu đi phân

tích một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh như bảng 6.

Bảng 6. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh

Đơn vị: Lân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Sức sinh lời của vốn	0,03	0,04	0,05
Sức sản xuất của vốn	0,85	0,86	0,94
Suất hao phí của vốn so với doanh thu	1,18	1,16	1,07
Suất hao phí của vốn so với lợi nhuận sau thuế	0,06	0,05	0,03

Nguồn: Theo kết quả tính toán của tác giả

Phân tích bảng 6 ta thấy, sức sinh lời của vốn các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh tương đối cao, mỗi một đồng vốn các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh bỏ ra thì tạo ra 0,03 đồng lợi nhuận vào năm 2016, và tạo được 0,05 đồng lợi nhuận vào năm 2018. Như vậy, có thể thấy, mặc dù các doanh nghiệp này mới đầu tư vào các KCN tỉnh Bắc Ninh song hiệu quả kinh doanh tương đối cao. Vì vậy các doanh nghiệp FDI này đã mở rộng quy mô sản xuất và sức sinh lời của vốn đang có xu hướng tăng lên qua các năm. Điều đó cho thấy các doanh nghiệp này đang đầu tư đúng hướng. Sức sản xuất của vốn của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh khá cao và đang có xu hướng tăng dần qua các năm (năm 2016 là 0,85, năm 2018 là 0,94).

Suất hao phí của vốn so với lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh cũng tương đối cao. Tuy nhiên đang có xu hướng giảm qua các năm (năm 2016 là 0,06, năm 2018 là 0,03). Điều này thể hiện được là các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh sử dụng có hiệu quả nguồn vốn.

Tóm lại, với quy mô vốn của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh lại có nhiều chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư và phát triển cho các doanh nghiệp này, nên các doanh nghiệp FDI trên địa bàn đang hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, mức đóng góp vào ngân sách địa phương của các doanh nghiệp còn thấp hơn rất nhiều so với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể hàng năm còn có hàng trăm doanh nghiệp báo lỗ. Do đó, UBND tỉnh Bắc Ninh cần có chính sách quản lý phù hợp về doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp này, đảm bảo có sự cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, đặc biệt đảm bảo mức đóng góp cho ngân sách địa phương của các doanh nghiệp này.

#### **Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DN FDI tại các KCN Bắc Ninh**

Để thấy rõ các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tác giả sử dụng hàm hồi quy Cobb - Douglas để đánh giá mức độ tác động của các yếu tố tới lợi nhuận từ quá trình sản xuất của các doanh nghiệp này.

Hàm sản xuất Cobb - Douglas được sử dụng để nghiên cứu như sau:

$$\ln(\text{LN}) = \beta_0 + \beta_1 \ln(\text{CPNL}) + \beta_2 \ln(\text{KHAUHAO}) + \beta_3 \ln(\text{LAODONG}) + \beta_4 \ln(\text{TGHĐ}) + \beta_5 \ln(\text{TRINHDO}) + \beta_6 \ln(\text{VON}) + \beta_7 \text{HOTRO} + \epsilon$$

Sau khi xác định mô hình, nhóm tác giả tiến hành hồi quy các biến theo mô hình trên.

Để kiểm tra độ tin cậy của mô hình, nhóm tác giả tiến hành kiểm tra độ tin cậy.

Độ phù hợp của mô hình: R-squared = 0,767417 > 0,5 vậy mô hình phù hợp, bên cạnh đó Adjusted R-squared = 0,7604, tức là các biến độc lập giải thích được 76,04% biến phụ thuộc.

Các kiểm định đã được thực hiện như sau:

*Kết quả kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến:*

Bảng 7. Hệ số phóng đại VIF

	Coefficient	Uncentered	Centered
Variable	Variance	VIF	VIF
LN_CPNL_	0,002637	704,7575	4,768779
LN_KHAUHAO_	0,001784	529,7464	3,161001
LN_LAODONG_	0,002270	24,74319	2,129179
LN_TGHĐ_	0,019490	39,35539	1,044351
LN_TRINHDO_	0,071377	270,2128	1,136331
LN_VON_	0,005274	1693,781	3,598548
HOTRO	0,011885	4,473960	1,155773
C	4,072474	2067,086	NA

Nguồn: Theo số liệu tính toán của tác giả

Qua bảng 7 ta thấy được rằng hệ số VIF < 10 vậy mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Kiểm định hiện tượng thiếu biến, tác giả sử dụng kiểm định Wald và xác định được mô hình không có hiện tượng thiếu biến cần thiết.

Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy. Ta có mô hình như sau:

$$\ln(\text{LN}) = 18,35 - 0,1886 \ln(\text{CPNL}) - 0,2491 \ln(\text{KHAUHAO}) + 0,200 \ln(\text{LAODONG}) + 0,3383 \ln(\text{TGHĐ}) + 0,5166 \ln(\text{TRINHDO}) + 0,2032 \ln(\text{VON}) + 0,2669 \text{HOTRO} + \epsilon$$

Biến Chi phí nguyên liệu (CPNL): Hệ số ước lượng là - 0,1886, dấu âm (-) của hệ số thể hiện mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí nguyên liệu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, chi phí nguyên liệu tăng 1% thì lợi nhuận sẽ giảm 0,1886%. Đây chính là thực tế của các doanh nghiệp FDI, khi mà toàn bộ nguyên vật liệu họ phải nhập khẩu từ công ty mẹ, giá cả do công ty mẹ quyết định. Do vậy, giá cả nguyên vật liệu của các doanh nghiệp FDI rất cao. Điều này luôn làm cho lợi nhuận của doanh nghiệp giảm (hiện tượng chuyển giá tại các doanh nghiệp FDI).

Biến Chi phí khấu hao (KHAUHAO) tài sản cố định của doanh nghiệp FDI: Hệ số ước lượng -0,2491, dấu âm (-) của hệ số thể hiện mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí đầu tư cho tài sản và lợi nhuận của doanh nghiệp. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, doanh nghiệp đầu tư thêm 1% giá trị tài sản cố định thì lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ giảm 0,2491%. Thực tế, tại các doanh nghiệp khi đầu tư thêm công nghệ phục vụ cho sản xuất kinh doanh thì sẽ làm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo ra lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh phần lớn là các doanh nghiệp mới đi vào hoạt động, do vậy việc mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư thêm máy móc thiết bị sẽ làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh rất lớn cho doanh nghiệp, do vậy làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Biến Chi phí lao động (LAODONG) là chi phí phải trả cho người lao động tại các doanh nghiệp FDI: Hệ số ước lượng +0,200, dấu dương (+) của hệ số thể hiện mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa chi phí phải trả cho người lao động và lợi nhuận của doanh nghiệp. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, doanh nghiệp đầu tư thêm 1% cho chi phí lao động thì lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng 0,200%.

Thời gian hoạt động (TGHD), thể hiện thông qua số năm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp FDI trên địa bàn: Hệ số ước lượng + 0,3383, dấu dương (+) của hệ số thể hiện quan hệ cùng chiều với biến lợi nhuận. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi với số năm hoạt động của doanh nghiệp FDI, nếu số năm hoạt động của doanh nghiệp tăng 1% thì lợi nhuận sẽ tăng 0,3383%.

Biến Trình độ của quản lý trong doanh nghiệp (TRINHDO), thể hiện số năm đi học của cán bộ quản lý: Hệ số ước lượng +0,4166, quan hệ cùng chiều với lợi nhuận của doanh nghiệp. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu số trình độ của người quản lý tăng 1% thì lợi nhuận doanh nghiệp sẽ tăng 0,4166%.

Biến Vốn (VON) sử dụng cho việc đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI: Hệ số ước lượng là +0,2032, dấu dương của hệ số thể hiện mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và lợi nhuận của DN. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi đầu tư tăng thêm 1% vốn thì lợi nhuận sẽ tăng 0,2032%.

Biến giả về chính sách hỗ trợ (HOTRO) cho doanh nghiệp FDI cho thấy doanh nghiệp đang được hưởng các chính sách nhà nước: chính sách miễn giảm tiền thuê đất, chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách miễn thuế nhập khẩu đối với doanh nghiệp FDI sản xuất sản phẩm công nghệ cao,... thì có lợi nhuận cao hơn những doanh nghiệp đã sắp hết thời gian được giảm thuế hoặc hết thời hạn được miễn thuế là 1,305 lần.

Thông qua kết quả mô hình hồi quy, sẽ là căn cứ quan trọng giúp các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

### **Đánh giá chung về hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DN FDI tại các KCN Bắc Ninh**

*Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh:*

- Với nhiều chính sách thu hút đầu tư FDI vào tỉnh, trong 3 năm gần đây số lượng các doanh nghiệp FDI tại các KCN Bắc Ninh đi vào hoạt động tăng đáng kể, từ 524 doanh nghiệp năm 2016 lên 599 doanh nghiệp vào năm 2018.

- Doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI tại các KCN tăng đều qua các năm, với tốc độ tăng doanh thu bình quân của các doanh nghiệp này là 108,52%; tốc độ tăng lợi nhuận đạt trên 12%, số doanh nghiệp báo lãi trong 3 năm từ 365 doanh nghiệp lên 425 doanh nghiệp; số doanh nghiệp báo lỗ giảm từ 197 doanh nghiệp năm 2016, xuống còn 175 doanh nghiệp năm 2018.

- Hiệu quả sử dụng lao động, sử dụng tài sản, sử dụng vốn của doanh nghiệp FDI tương đối cao và tăng dần qua các năm.

- Các doanh nghiệp FDI tại các KCN tỉnh Bắc Ninh đã tạo việc làm cho 284.470 lao động tỉnh Bắc Ninh và một số tỉnh lân cận. Với thu nhập bình quân của lao động gián tiếp là 6,8 triệu đồng/tháng, lao động trực tiếp là 5,7 triệu đồng/tháng.

- Số vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh ngày càng tăng, với tốc độ tăng bình quân trong 3 năm 2016 - 2018 là 110,48%. Đồng thời, các doanh nghiệp này cũng đầu tư nhiều máy móc thiết bị cho sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị máy móc thiết bị của các doanh nghiệp này năm 2018 là 272.934 tỷ đồng, tốc độ đầu tư tăng bình quân trong 3 năm là 108,02%.

- Mức đóng góp vào ngân sách địa phương của các doanh nghiệp này tăng từ 6.035 tỷ đồng (năm 2016) lên 8.700 tỷ đồng năm 2018. Giá trị xuất khẩu tăng từ 22.675 triệu USD năm 2016 lên 28.428 triệu USD năm 2018.

Như vậy, có thể thấy các doanh nghiệp FDI đã có vai trò đáng kể trong việc tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân Bắc Ninh nói chung và cho lao động trên địa bàn nói riêng và đã đóng góp không nhỏ cho ngân sách địa phương.

### **5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Theo kết quả phân tích hồi quy, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, các DN này cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

*Thứ nhất*, về yếu tố chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp FDI 100% nguyên liệu nhập khẩu từ công ty mẹ, giá cả tùy thuộc vào công ty mẹ. Do vậy, giá trị nguyên vật liệu rất đắt. Để nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp, các công ty nên tìm kiếm thị trường nguyên liệu phù hợp, giá rẻ, tập trung tìm kiếm thị trường nguyên liệu tại chính nước sở tại. Có như vậy các doanh nghiệp này vừa giảm được chi phí nhập khẩu, chi phí vận chuyển và hạn chế bớt giá cả nguyên liệu chỉ phụ thuộc vào công ty mẹ.

Hơn nữa, hiện nay Việt Nam đang hoàn thiện dần chính sách pháp luật để quản lý, hạn chế việc chuyển giá của các doanh nghiệp FDI. Cụ thể năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 20/2/2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Như vậy, đối với các giao dịch phát sinh từ công ty mẹ sẽ thuộc diện theo dõi quản lý thuế theo Nghị định này. Những tác động tiềm ẩn lên các vấn đề vượt ra ngoài phạm vi giá giao dịch liên kết, doanh nghiệp cần sớm chủ động nghiên cứu, đánh giá mức độ của các tác động tiềm tàng đến việc tuân thủ quy định về thuế tại Việt Nam, cũng như đến các hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó vấn đề có yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh hàng ngày đó là nguyên vật liệu đầu vào.

*Thứ hai*, về yếu tố khấu hao tài sản cố định. Đây là giai đoạn đầu của các doanh nghiệp FDI đầu tư vào các KCN Bắc Ninh, do vậy chi phí khấu hao lớn. Tuy nhiên, sau một thời gian đầu tư tài sản cố định (máy móc, trang thiết bị,...) phục vụ cho sản xuất kinh doanh, khi các doanh nghiệp đã khấu hao dần thì việc đầu tư tài sản cố định sẽ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm cho doanh nghiệp. Đồng thời các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử thì vòng đời công nghệ ngắn nên doanh nghiệp nên có biện pháp quản lý khấu hao phù hợp. Hơn nữa, đầu ra sản phẩm phụ thuộc chủ yếu vào các Tập đoàn lớn như Samsung, Canon nên các doanh nghiệp lựa chọn hình thức đầu tư cho phù hợp. Giai đoạn đầu khi thăm dò thị trường có thể lựa chọn hình thức thuê nhà xưởng để tiết kiệm thời gian cũng như chi phí đầu tư. Sau khi thị trường ổn định, có thể đầu tư xây dựng nhà xưởng. Qua đó, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

*Thứ ba*, để giảm chi phí lao động thì các doanh nghiệp này nên tập trung tuyển lao động có trình độ, vừa giảm được chi phí đào tạo cho doanh nghiệp, vừa đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp; hoặc doanh nghiệp nên liên kết với các cơ sở đào tạo trên địa bàn đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thay vì doanh nghiệp trực tiếp đào tạo như hiện nay, hoặc một số lao động doanh nghiệp phải cử đi học tập tại nước ngoài,...

*Thứ tư*, về quy mô vốn của doanh nghiệp, các doanh nghiệp nên tiếp tục đầu tư vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thông qua việc mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại cho doanh nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

*Thứ năm*, về trình độ quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp, các doanh nghiệp FDI tiếp tục có chính sách thu hút nhân tài thông qua việc tuyển dụng lao động có mức lương cao. Hiện nay, đối với cán bộ quản lý ở các DN FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tương đối cao, trên 17 triệu đồng/tháng. Do vậy, để quản lý doanh nghiệp tốt và nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, các doanh nghiệp cần có chính sách thu hút nhân tài và chính sách đào tạo phù hợp.

Kết quả mô hình hồi quy cho thấy, yếu tố hỗ trợ (HOTRO) có tác động cùng chiều đối với lợi nhuận của

doanh nghiệp. Tức là những doanh nghiệp FDI đang được hỗ trợ từ các chính sách của chính quyền địa phương như: chính sách miễn giảm tiền thuê đất, chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách miễn giảm thuế nhập khẩu,... thì sẽ có lợi nhuận cao hơn những doanh nghiệp đã hết thời hạn được miễn giảm.

Tuy nhiên, để đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước thì nhà nước nói chung và UBND tỉnh Bắc Ninh nói riêng cũng cần có những chính sách về thuế phù hợp, tránh hiện tượng quá ưu ái doanh nghiệp FDI, trong khi các doanh nghiệp trong nước (động lực chính cho phát triển đất nước) không thể cạnh tranh nổi mà thua ngay trên sân nhà. Trong khi đóng góp vào ngân sách địa phương của các doanh nghiệp này chưa tương xứng với thực tế hoạt động của họ. Nghiên cứu đề xuất Chính phủ và UBND tỉnh Bắc Ninh cần thực đồng bộ một số giải pháp sau:

*Một là*, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến việc chống chuyển giá. Việt Nam cần xem xét ban hành luật về chống chuyển giá qua đó tạo hành lang pháp lý rõ ràng về việc kiểm tra việc chuyển giá giữa các công ty trong tập đoàn đa quốc gia. Qua đó, cơ quan thuế có thể kiểm tra giá đối với các doanh nghiệp đa quốc gia có dấu hiệu rủi ro lớn về thuế do hành vi chuyển giá. Bên cạnh đó cần tăng hình phạt đối với các hành vi chuyển giá vi phạm quy định pháp luật.

*Hai là*, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về các doanh nghiệp FDI từ đó có những cảnh báo sớm, phát hiện từ xa các hành vi chuyển giá. Hệ thống thông tin giúp nâng cao hiệu quả việc quản lý thuế, đánh giá nguy cơ, rủi ro chuyển giá từ đó tăng cường thanh tra, xử lý vi phạm về giá chuyển giao giữa các thành viên liên kết nói riêng.

*Ba là*, Tổng cục thuế cần thành lập một cơ quan chuyên trách về chống chuyển giá. Đây cơ quan thực hiện chức năng đào tạo nhân sự, nghiên cứu khuôn khổ pháp lý và thực hiện việc chống chuyển giá tại cơ quan Thuế Trung ương đến địa phương.

*Bốn là*, Chính phủ cũng cần ra soát lại toàn bộ chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp FDI. Cần hạn chế ưu đãi cho những ngành mang lại hiệu ứng tiêu cực đối với nền kinh tế. Cần trọng cấp phép cho doanh nghiệp có "truyền thống chuyển giá".

*Năm là*, các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử thì vòng đời công nghệ ngắn nên doanh nghiệp nên có biện pháp quản lý khấu hao phù hợp, phương pháp khấu hao nên được xem xét sử dụng nhiều để phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

*Sáu là*, các doanh nghiệp FDI nên tập trung tuyển lao động có trình độ, liên kết với các cơ sở đào tạo trên địa bàn đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp để tiết kiệm chi phí và việc đào tạo hiệu quả.

*Bảy là*, về trình độ quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp, các doanh nghiệp FDI nên tiếp tục có chính sách thu hút nhân tài thông qua việc tuyển dụng lao động với chế độ đãi ngộ tốt hơn, xây dựng chính sách đào tạo chuyên nghiệp hơn để nâng cao được hiệu lực quản lý.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Ban Tuyên giáo Trung ương, 2016. *Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. NXB Chính trị quốc gia, HON.
- [2]. Ban quản lý các KCN Bắc Ninh, số 768/BC-BQL, 2016. *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ năm 2016*.
- [3]. Ban quản lý các KCN Bắc Ninh, số 865/BC-BQL, 2017. *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ năm 2017*.
- [4]. Ban quản lý các KCN Bắc Ninh, số 589/BC-BQL, 2018. *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018*.
- [5]. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2018. *Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2017*.
- [6]. Chính phủ, 2008. *Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế*. Hà Nội.
- [7]. Đào Quang Thu, 2013. *Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: 25 năm thu hút và phát triển, Kỷ yếu hội thảo "25 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài"*. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội
- [8]. Đặng Thành Cương, 2012. *Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến các ngành công nghiệp chế tác ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
- [9]. Hoàng Dương, 2011. *Một số vấn đề thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*. Tạp chí nghiên cứu Kinh tế, số 398.
- [10]. *Nhìn lại giá trị của FDI ở Việt Nam sau 30 năm*, <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/92-7662-nhin-lai-gia-tri-cua-fdi-o-viet-nam-sau-gan-30-nam.html>
- [11]. Phạm Thị Quốc Hưng, 2014. *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- [12]. Trần Việt Lâm, 2015. *Giáo trình Phương pháp tối ưu trong kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [13]. Nguyễn Bích Ngọc, 2017. *Tác động lan tỏa từ FDI tới xuất khẩu của ngành công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- [14]. Quốc hội, 2014. *Luật Đầu tư*.
- [15]. Quốc hội, 2014. *Luật Doanh nghiệp*.
- [16]. Thái Sơn, 2017. *Nghiên cứu tác động từ vốn FDI tới tăng trưởng kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm miền trung*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
- [17]. *Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Nghiên cứu quốc tế*, <http://nghiencuuquocte.org/2016/08/20/to-chuc-thuong-mai-gioi-wto>
- [18]. UBND tỉnh Bắc Ninh, số 60/2008/QĐ-UBND. *Quyết định về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh*.
- [19]. Website cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, <http://bacninh.gov.vn>
- [20]. Trương Đông Lộc và Nguyễn Đức Trọng, 2010. *Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNVTN Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí công nghệ ngân hàng số 50.
- [21]. Mai Văn Nam và Nguyễn Quốc Nghi, 2011. *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Thành phố Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học 2011:19b 122-129

[22]. Nguyễn Quốc Nghi, 2010. *Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn tín dụng hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Cần Thơ*. Tạp chí Công nghệ ngân hàng số 57.

[23]. Lê Khương Ninh, 2011. *Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Công nghệ ngân hàng số 67.

**AUTHORS INFORMATION**

**Nguyen Phuong Thao<sup>1</sup>, Tran Thi Minh<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>TNU-University of Economics and Business Administration

<sup>2</sup>Bac Ninh Industrial Zones Authority